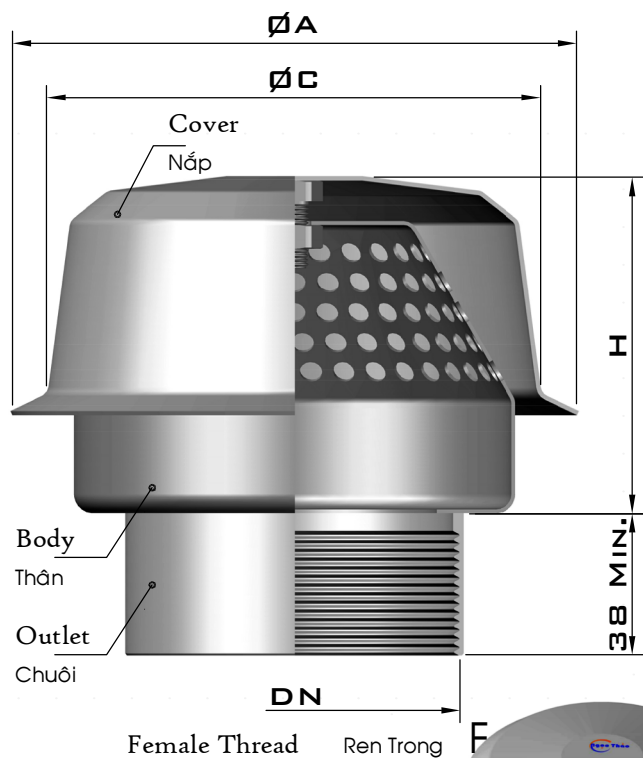
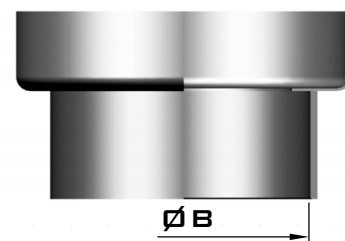
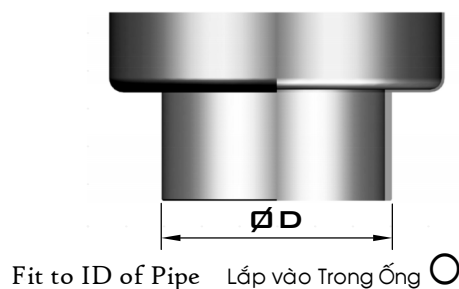
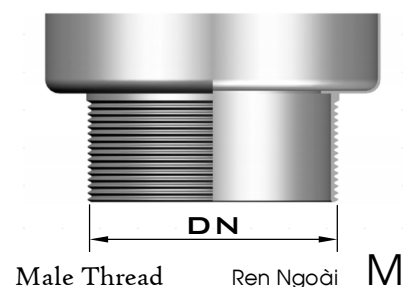


Kiểu V1 Model



Options: Pipe Connection

Tùy chọn: Cách Nối Ống



Material: All Stainless Steel SUS304/SUS316

Vật liệu: Toàn bộ bằng Inox SUS304/SUS316

Pipe Size (OD)	$\varnothing A$	$\varnothing B$	$\varnothing D$	H	$\varnothing C$	Free Area	Code	Fit to OD of Pipe	Bao Ngoài Ống
Kích thước Ống						Diện tích Đốt lưới	Mã số		
(in) (mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm ²)			
DN40 1 1/2	49	132	50	42	72	125	2,500	V1049 132 R0413	
DN50 2	60	132	60	52	72	125	2,500	V1060 132 R0413	
DN65 2 1/2	75	152	76	67	90	135	4,000	V1075 152 R0413	Connecting Method Cách Lắp vào Ống F/M/O/I
DN80 3	89	152	90	81	90	135	4,000	V1090 152 R0413	
DN100 4	110	170	110	98	108	152	8,000	V1110 170 R0413	
DN100 4	114	170	114	102	108	152	8,000	V1114 170 R0413	
DN125 5	140	220	140	125	125	200	16,000	V1140 220 R0413	
DN150 6	160	220	160	148	125	200	16,000	V1160 220 R0413	Material: SUS304/SUS316 Vật liệu: Inox SUS304/SUS316
DN150 6	168	220	169	152	125	200	16,000	V1168 220 R0413	
DN200 8	200	270	200	180	125	240	24,000	V1200 270 R0413	3/4
DN200 8	220	280	220	200	125	250	25,000	V1220 280 R0413	
DN250 10	250	305	250	230	140	270	32,000	V1250 305 R0413	